TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 74/**2021/HNGĐ - ST
Ngày: 31- 12 - 2021
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngọc
2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2020/HNGĐ - ST ngày 11/11/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1024/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 1085/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu Tr**, sinh năm 1987
Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh **Lê Thành C**, sinh năm 1984
Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và các lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:*

Bà và ông Lê Thành C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2008 ngày 28/8/2008.

Quá trình chung sống, bà và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó ông, bà thường xuyên cãi vã, chung sống không

còn hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay bà và ông C sống ly thân nhau, đến tháng 6/2019 bà đã nộp đơn khởi kiện về việc " Tranh chấp ly hôn" tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội hàn gắn gia đình nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên không thể đoàn tụ.

Nay bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Thành C .

Về con chung: Bà và ông Lê Thành C có 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 07/5/2006 và Lê Thị Tâm T, sinh ngày 16/3/2008. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***** *Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Lê Thành C nhưng ông C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Theo Biên bản xác minh ngày 22/4/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cung cấp:*

Ông Lê Thành C, sinh năm 1984 hiện đang cư trú tại Ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị Thu Tr (sinh năm 1987) chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112, Quyển số 01/2008 ngày 27/8/2018.

Việc ông Ông Lê Thành C và bà Nguyễn Thị Thu Tr có mâu thuẫn trong quá trình chung sống hay không thì UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai không nắm rõ.

Về tài sản chung, nợ chung của ông C, bà Tr: UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai không nắm rõ, không có ai trình báo hay yêu câu giải quyết các vấn về tài sản chung, nợ chung của ông C, bà Tr.

Về con chung: Ông C và bà Tr có 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 07/5/2006 và Lê Thị Tâm T, sinh ngày 16/3/2008. Về thu nhập cá nhân cũng như điều kiện nuôi con chung của ông C, bà Tr thì địa phương không nắm rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2]. Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Tr; Bị đơn là ông Lê Thành C.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Thành C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2008 ngày 28/8/2008.

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Thành C là hợp pháp.

- Bà Tr và ông C sống ly thân nhau đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông C để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C vẫn vắng mặt thể hiện ông không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Ly hôn" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr đối với bị đơn ông Lê Thành C

[3.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Thành C có 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 07/5/2006 và Lê Thị Tâm T, sinh ngày 16/3/2008. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Cả 02 cháu Q và cháu T đều trên 07 tuổi và trình bày nguyện vọng được bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà Tr và ông C ly hôn (tại các Bản tự khai cùng đề ngày 21/4/2021 do cháu Q và T nộp trực tiếp tại Tòa án).

Xét thấy việc giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông C tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 58, 81, 82,83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện " Tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn.

[3.3]. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3]. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Tr đã nộp theo biên lai thu số 0001010 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 217, 220, 227, 228, 244, 266, 267 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9,10,11, Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Ly hôn" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Xử: Bà Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn ông Lê Thành C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Xử: Giao 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 07/5/2006 và Lê Thị Tâm T, sinh ngày 16/3/2008 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông Lê Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông Lê Thành C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Tr đã nộp theo biên lai thu số 0001010 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Ngọc Hiệp